ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VĨNH TÂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1585 /QĐ-UBND	*Vĩnh Tân, ngày 19 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Bình 64 và giai đoạn 2 của các tuyến đường Tân Bình 17, 23

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VĨNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2026;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu

kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-CTUBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3732/UBND-DA ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục dự án và dự kiến mức vốn hỗ trợ cho các xã, phường, đặc khu trong dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 487/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Khóa I - Kỳ họp thứ sáu về Kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Công văn số 2494/UBND-DA ngày 28 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về danh mục dự án và dự kiến mức vốn hỗ trợ cho các xã, phường, đặc khu trong dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 15 tháng 07 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Vĩnh Tân về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho phường;

Căn cứ Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân về việc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 (Nguồn vốn ngân sách địa phương của Thành phố);

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (Nguồn vốn ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu);

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Bình 64 và giai đoạn 2 của các tuyến đường Tân Bình 17, 23;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Giai đoạn chuẩn bị đầu tư) dự án: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Bình 64 và giai đoạn 2 của các tuyến đường Tân Bình 17, 23;

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 13 tháng 07 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc dự án: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Bình 64 và giai đoạn 2 của các tuyến đường Tân Bình 17, 23;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 76/BC-KQTĐ ngày 18 tháng 08 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Bình 64 và giai đoạn 2 của các tuyến đường Tân Bình 17, 23;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 1648/TTr- KTHTĐT ngày 19 tháng 08 năm 2026 về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Bình 64 và giai đoạn 2 của các tuyến đường Tân Bình 17, 23.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Bình 64 và giai đoạn 2 của các tuyến đường Tân Bình 17, 23 với nội dung chủ yếu như sau:

1. **Tên dự án:** Nâng cấp BTNN và xây dựng HTTN tuyến đường Tân Bình 64 và giai đoạn 2 của các tuyến đường Tân Bình 17, 23.

2. **Loại, nhóm dự án, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:**

- Nhóm dự án: nhóm C.
- Loại công trình: Công trình giao thông
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.
- Thời hạn sử dụng: Trên 10 năm.

3. **Mã số thông tin công trình:**

4. **Địa điểm xây dựng:** Phường Vĩnh Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

5. **Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân.

6. **Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tân.

7. **Tổ chức tư vấn khảo sát địa hình và lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty TNHH Xây Dựng Trí Tuệ Việt

8. **Mục tiêu dự án**:

- Giải quyết tình hình giao thông khó khăn, nâng cao khả năng giao thông, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội - văn hóa và môi trường sạch đẹp.

- Giải quyết tình trạng tiêu thoát nước, ngập úng cục bộ, vệ sinh môi trường và nâng cao điều kiện sống cho người dân.

- Tạo điều kiện giao thông thuận lợi cho nhân dân trong vùng, cải thiện tình trạng đường hiện hữu là mặt đường cấp thấp, hư hỏng nhiều nơi không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu.

- Tạo bộ mặt khang trang, hiện đại cho khu vực chung.

9. **Quy mô đầu tư xây dựng:**

Dự án được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế với các thông số kỹ thuật:

9.1 Quy mô đầu tư:

1. Đường Tân Bình 64:

Chiều dài tuyến chính	282,60m
Bề rộng mặt đường	5,0m
Bề rộng nền đường	7m
Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
Độ dốc ngang mặt đường	2%

Xây dựng hệ thống thoát nước bằng mương hộp 60xH(cm) đoạn từ Km0+000,00 – Km0+282,60 hai bên tuyến.

2. Đường Tân Bình 17 (giai đoạn 2).

Nhánh 1: chiều dài tuyến	314,92 m
- Từ Km0+0 đến Km0+42,43	
Bề rộng mặt đường	4,0m
Bề rộng nền đường(cả bó vỉa)	4,4m
Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Từ Km0+42,43 đến Km0+314,92	
Bề rộng mặt đường	5,0m
Bề rộng nền đường	7,0m
Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
Nhánh 2: chiều dài tuyến	827,13 m
Bề rộng mặt đường	5,0m
Bề rộng nền đường	7,0m
Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng

3. Đường Tân Bình 23 (giai đoạn 2).

Chiều dài tuyến	1.028,27m
Bề rộng mặt đường	5,5m
Bề rộng nền đường	7,0m
Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng

Độ dốc ngang mặt đường 2%

Xây dựng hệ thống thoát nước bằng mương hộp 45xH(cm) đoạn từ Km0+000 – Km0+735,00 bên trái tuyến.

9.2. Giải pháp kỹ thuật:

9.2.1. Đường Tân Bình 64.

a. Bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

- Toàn tuyến có 3 đỉnh chuyển hướng.

b. Trắc dọc

- Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường. Hệ cao độ và hệ tọa độ là hệ giả định.

c. Trắc ngang

Đoạn từ Km0+000 – Km0+006,00 và Km0+262.00 – Km0+279.00

- Chiều rộng mặt đường 5,0m
- Bề rộng mương 60xH 1,00m x 1 bên = 1,0m
- Bề rộng gờ chặn 0,20m x 1 bên = 0,2m
- Bề rộng lề đường 0,80m x 1 bên = 0,8m
- Bề rộng nền đường: 7,0m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng

Đoạn từ Km0+006,00 – Km0+262.00

- Chiều rộng mặt đường 5,0m
- Bề rộng mương 60xH 1,00m x 2 bên = 2,0m
- Bề rộng nền đường: 7,0m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng

Đoạn từ Km0+279,00 – Km0+282.60

- Chiều rộng mặt đường 5,0m
- Bề rộng gờ chặn 0,20m x 2 bên = 0,4m

- Bề rộng lề đường 0,80m x 2 bên = 1,6m
- Bề rộng nền đường: 7,0m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng

d. Kết cấu nền, mặt đường, lề đường và gờ chặn

**** Tuyến chính:***

+ Kết cấu nền đường

- Lớp đất cấp 3 (sỏi đỏ) dày 20cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥80 Mpa (hệ số cung cấp đất cấp 3 (sỏi đỏ) sẽ được lấy theo hệ số thí nghiệm hiện trường trong quá trình thi công);

- Nền đào: Đào khuôn đường, lu lèn nguyên thổ đạt độ chặt K≥ 0,95;

- Nền đắp: Ủi quang mặt bằng, đắp bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ) lu lèn đạt K≥ 0,95;

- Vét hữu cơ dày 30cm, đắp bằng đất cấp 2 (chọn lọc) lu lèn đạt K≥ 0,95 (phạm vi lề đường, taluy). Đắp bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ) lu lèn đạt K≥ 0,95 (phạm vi mặt đường, gờ chặn);

+ Kết cấu mặt đường mở rộng và giao lộ

- Lớp BTNC 12.5 dày 7cm, lu lèn đạt độ chặt K≥0,98, lớp thấm bám nhũ tương CSS-1h tiêu chuẩn 1,0Kg/m², Eyc≥150Mpa;

- Lớp cấp phối đá dăm Dmax=25mm, dày 10cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥135Mpa;

- Lớp cấp phối đá dăm Dmax=37.5mm, dày 10cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥100Mpa;

+ Kết cấu lề đường

- Lớp bê tông xi măng đá 1x2M200, dày 10cm;

- Lớp cấp phối đá dăm Dmax=37.5mm, dày 10cm, lu lèn đạt K ≥0,95;

+ Kết cấu gờ chặn:

- Gờ chặn loại 1 bằng bê tông đá 1x2 M300, chiều cao 42cm, trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, cao độ đỉnh gờ chặn bằng cao độ mép mặt đường thiết kế.

e. Hệ thống thoát nước:

**** Hệ thống thoát nước dọc :***

- Xây dựng hệ thống thoát nước bằng mương hộp 60xH(cm) đoạn từ Km0+000 – Km0+282,60 hai bên tuyến dọc theo đường đấu nối vào hệ thống thoát nước D80(cm) hiện hữu trên đường ĐT747A;

Hướng thoát nước

+ Từ Km0+0.00 đến Km0+282,60:

Nước được thu về cống 2 bên tuyến và chảy về hệ thống thoát nước D80(cm) hiện hữu trên đường ĐT747A.

Quy cách mương 60xH (cm)

- Mương hộp BTCT (60xH)cm được đậy đan BTCT Đ1 chịu lực kích thước (100x60x15 cm). Cách khoảng 20m bố trí 1 hố ga thu nước kích thước 1x1m. Hố ga được đậy đan lưới thép kích thước (100x80x10cm) để thu nước mặt. Tại những vị trí qua giao lộ đặt tấm đan Đ1A kích thước (100x60x15cm)

- Tấm đan Đ1 và Đ1A được bố trí cốt thép chịu lực D12mm và cấu tạo D10mm

- Cống hộp 60xH được bố trí thép D12mm-@25cm chịu lực và thép D10mm-@25cm liên kết.

- Tấm đan thép kích thước 100x80x10cm được mạ kẽm để bảo vệ tấm đan khỏi bị gỉ và tạo mỹ quan cho công trình

- Cống được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót đá 1x2 M150 dày 10cm.

f. Hệ thống tín hiệu đường bộ:

- Lắp đặt hoàn chỉnh biển báo hiệu an toàn giao thông tại các giao lộ, các đường cong nguy hiểm. Mép ngoài của biển báo theo phương ngang đường phải cách mép phần đường xe chạy tối thiểu là 0.5m, độ cao biển báo tính từ mép dưới của biển báo đến mặt đường là 2m. Hệ thống báo hiệu giao thông thiết kế theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN "Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế".

9.2.2. Đường Tân Bình 17 (giai đoạn 2).

a. Bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

- Toàn tuyến có 7 đỉnh chuyển hướng (nhánh 1 có 5 đỉnh chuyển hướng và nhánh 2 có 2 đỉnh chuyển hướng).

b. Trắc dọc

- Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường. Hệ cao độ và hệ tọa độ là hệ giả định.

c. Trắc ngang

- Chiều rộng mặt đường	4,0-5,0 m
- Bề rộng gờ chặn	0,20m x 2 bên = 0,4m
- Bề rộng lề đường	0,80m x 2 bên = 1,6m
- Bề rộng nền đường:	7,0m
- Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng

d. Kết cấu nền, mặt đường, lề đường và gờ chặn

+ Kết cấu nền đường

- Lớp đất cấp 3 (sỏi đỏ) dày 20cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥80 Mpa (hệ số cung cấp đất cấp 3 (sỏi đỏ) sẽ được lấy theo hệ số thí nghiệm hiện trường trong quá trình thi công);

- Nền đào: Đào khuôn đường, lu lèn nguyên thổ đạt độ chặt K≥ 0,95;

- Nền đắp: Ủi quang mặt bằng, đắp bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ) lu lèn đạt K≥ 0,95;

- Vét hữu cơ dày 30cm, đắp bằng đất cấp 2 (chọn lọc) lu lèn đạt K≥ 0,95 (phạm vi lề đường, taluy). Đắp bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ) lu lèn đạt K≥ 0,95 (phạm vi mặt đường, gờ chặn);

+ Kết cấu mặt đường mở rộng và giao lộ

- Lớp BTNC 12.5 dày 7cm, lu lèn đạt độ chặt K≥0,98, lớp thấm bám nhũ tương CSS-1h tiêu chuẩn 1,0Kg/m², Eyc≥150Mpa;

- Lớp cấp phối đá dăm Dmax=25mm, dày 10cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥135Mpa;

- Lớp cấp phối đá dăm Dmax=37.5mm, dày 10cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥100Mpa;

+ Kết cấu lề đường

- Lớp đất cấp 3 (sỏi đỏ) dày 20cm, lu lèn đạt K ≥0,95.

+ Kết cấu gờ chặn:

- Gờ chặn loại 1 bằng bê tông đá 1x2 M300, chiều cao 42cm, trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, cao độ đỉnh gờ chặn bằng cao độ mép mặt đường thiết kế.

e. Hệ thống thoát nước:

- Trên tuyến không đầu tư hệ thống thoát nước.

f. Hệ thống tín hiệu đường bộ:

- Lắp đặt hoàn chỉnh biển báo hiệu an toàn giao thông tại các giao lộ, các đường cong nguy hiểm. Mép ngoài của biển báo theo phương ngang đường phải cách mép phần đường xe chạy tối thiểu là 0.5m, độ cao biển báo tính từ mép dưới của biển báo đến mặt đường là 2m. Hệ thống báo hiệu giao thông thiết kế theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN "Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế".

9.2.3. Đường Tân Bình 23 (giai đoạn 2).

a. Bình đồ

- Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu và được mở rộng đều sang hai bên.

- Toàn tuyến có 2 đỉnh chuyển hướng.

b. Trắc dọc

- Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường. Hệ cao độ và hệ tọa độ là hệ giả định.

c. Trắc ngang

Đoạn từ Km0+000 – Km0+735,00

- Chiều rộng mặt đường	5,5 m
- Bề rộng mương 45xH	0,75m x 1 bên = 0,75m
- Bề rộng gờ chặn	0,20m x 1 bên = 0,2m
- Bề rộng lề đường	0,55m x 1 bên = 0,55m
- Bề rộng nền đường:	7,0 m
- Độ dốc ngang mặt đường	2%
- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng

Đoạn từ Km0+735,00 – Cuối tuyến

- Chiều rộng mặt đường 5,5 m
- Bề rộng gờ chặn 0,20m x 2 bên = 0,4m
- Bề rộng lề đường 0,55m x 2 bên = 1,1m
- Bề rộng nền đường: 7,0 m
- Độ dốc ngang mặt đường 2%
- Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa nóng

d. Kết cấu nền, mặt đường, lề đường và gờ chặn

**** Tuyến chính:***

+ Kết cấu nền đường

- Lớp đất cấp 3 (sỏi đỏ) dày 20cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥80 Mpa (hệ số cung cấp đất cấp 3 (sỏi đỏ) sẽ được lấy theo hệ số thí nghiệm hiện trường trong quá trình thi công);

- Nền đào: Đào khuôn đường, lu lèn nguyên thổ đạt độ chặt K≥ 0,95;

- Nền đắp: Ủi quang mặt bằng, đắp bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ) lu lèn đạt K≥ 0,95;

- Vét hữu cơ dày 30cm, đắp bằng đất cấp 2 (chọn lọc) lu lèn đạt K≥ 0,95 (phạm vi lề đường, taluy). Đắp bằng đất cấp 3 (sỏi đỏ) lu lèn đạt K≥ 0,95 (phạm vi mặt đường, gờ chặn);

+ Kết cấu mặt đường mở rộng và giao lộ

- Lớp BTNC 12.5 dày 7cm, lu lèn đạt độ chặt K≥0,98, lớp thấm bám nhũ tương CSS-1h tiêu chuẩn 1,0Kg/m², Eyc≥150Mpa;

- Lớp cấp phối đá dăm Dmax=25mm, dày 10cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥135Mpa;

- Lớp cấp phối đá dăm Dmax=37.5mm, dày 10cm, lu lèn đạt K ≥0,98, E≥100Mpa;

+ Kết cấu lề đường

- Lớp đất cấp 3 (sỏi đỏ) dày 20cm, lu lèn đạt K ≥0,95.

+ Kết cấu gờ chặn:

Đoạn từ Km0+000 – Km0+735,00

- Gờ chặn loại 2 bằng bê tông đá 1x2 M300, chiều cao 39cm, trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, cao độ đỉnh gờ chặn cao hơn cao độ mép mặt đường thiết kế 7cm.

Đoạn từ Km0+735,00 – Cuối tuyến

- Gờ chặn loại 1 bằng bê tông đá 1x2 M300, chiều cao 32cm, trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, cao độ đỉnh gờ chặn bằng cao độ mép mặt đường thiết kế.

e. Hệ thống thoát nước:

**** Hệ thống thoát nước dọc:***

- Xây dựng hệ thống thoát nước bằng mương hộp 45xH(cm) đoạn từ Km0+000 – Km0+735,00 bên trái tuyến dọc theo đường đấu nối vào hệ thống thoát nước hiện hữu 45xH(cm) trên đường Tân Bình 05.

Hướng thoát nước

+ Từ Km0+0.00 đến Km0+735,00:

Nước được thu về cống 2 bên tuyến và chảy về hệ thống thoát nước 45xH(cm) hiện hữu trên đường Tân Bình 05.

Quy cách mương 45xH (cm)

- Mương hộp BTCT (45xH)cm được đậy đan BTCT Đ3 chịu lực kích thước (100x60x12 cm). Cách khoảng 20m bố trí 1 hố ga thu nước kích thước 0,75x1m. Hố ga được đậy đan lưới thép kích thước (80x60x10cm) để thu nước mặt.

- Tấm đan Đ3 được bố trí cốt thép chịu lực D12mm và cấu tạo D10mm

- Cống hộp 45xH được bố trí thép D12mm-@25cm chịu lực và thép D10mm-@25cm liên kết.

- Tấm đan thép kích thước 80x60x10cm được mạ kẽm để bảo vệ tấm đan khỏi bị gỉ và tạo mỹ quan cho công trình

- Cống được làm bằng bê tông đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót đá 1x2 M150 dày 10cm.

Kết cấu hố thu:

- Tại các vị trí hố ga cống dọc, bố trí hố thu bên phải mép đường thu nước trực tiếp thông qua lưới chắn rác và dẫn về hố ga cống dọc thông qua ống nhựa HDPE Ø315mm dày 15mm.

- Kết cấu hố thu bằng bê tông đá 1x2 M300 ngang 63cm rộng 1m.

f. Hệ thống tín hiệu đường bộ:

- Lắp đặt hoàn chỉnh biển báo hiệu an toàn giao thông tại các giao lộ, các đường cong nguy hiểm. Mép ngoài của biển báo theo phương ngang đường phải cách mép phần đường xe chạy tối thiểu là 0.5m, độ cao biển báo tính từ mép dưới của biển báo đến mặt đường là 2m. Hệ thống báo hiệu giao thông thiết kế theo điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN "Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế".

10. **Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

STT	Tên quy trình	Mã hiệu
I	THIẾT KẾ ĐƯỜNG GIAO THÔNG	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình giao thông	QCVN 07-4:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2024/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia – Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
4	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
5	Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34:2020/TCĐBVN
6	Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
7	Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
8	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
9	Kết cấu bê tông và BTCT – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
II	THIẾT KẾ HỆ THỐNG CẤP, THOÁT NƯỚC	
1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp nước	QCVN 07-1:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước	QCVN 07-2:2023/BXD
3	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957:2023
4	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
5	Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 13606:2023
III	THIẾT KẾ HỆ THỐNG ĐIỆN	

1	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện	QCVN 07-5:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình chiếu sáng	QCVN 07-7:2023/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2008/BCT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện ban hành kèm theo	Thông tư số 04/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Công thương
5	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN 333:2005
6	Tiêu chuẩn quốc gia về đèn LED chiếu sáng đường và phố	TCVN 12666:2021
IV	TIÊU CHUẨN KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH	
1	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
2	Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
3	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới tọa độ do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	QCVN 04:2009/BTNMT
4	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	QCVN 11:2008/BTNMT
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	QCVN 47:2012/BTNMT
6	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
7	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012

11. **Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng: 16.999.313.838** đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng.)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng 15.092.966.490 đồng
- Chi phí quản lý dự án 386.006.683 đồng
- Chi phí tư vấn xây dựng 1.216.873.166 đồng
- Chi phí khác 183.053.104 đồng
- Chi phí dự phòng 63.509.267 đồng

12. **Tiến độ thực hiện dự án:**

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2026
- Thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. **Nguồn vốn đầu tư:** Vốn ngân sách thành phố phân cấp cho phường trong kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030. (Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh cho ngân sách phường).

14. **Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Tài chính thành phố;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- LĐ phòng KTHTĐT;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Long, Thúy.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG VĨNH TÂN T.P HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Văn Lợi